TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/DS-ST.
Ngày: 06-01-2026.
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Thắng.
Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 719/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 703/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 558/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1967.
CCCD số: 082167014758.
Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:
2.1. Bùi Thị Thu H, sinh năm 1983.
CCCD số: 082181013624.
2.2. Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1976.
CCCD số: 082076019791.
2.3. Nguyễn Thịnh C, sinh năm 2001.
CCCD số: 082201010744.
Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Chí C1, sinh năm 1994.
CCCD số: 082094014019.
Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà D có mặt; bà H, ông Đ và anh C vắng mặt;

Anh C xin vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ D trình bày:

Từ năm 2018, ông Nguyễn Hoàng Đ, Bùi Thị Thu H có tham gia góp vốn hụi cho bà làm chủ thảo. Ông Đ, bà Thu H tham gia góp vốn hụi hốt để lấy tiền làm kinh tế gia đình. Năm 2020 do tình hình dịch bệnh kinh tế gặp khó khăn nên ông Nguyễn Hoàng Đ, bà Bùi Thị Thu H không còn khả năng đóng hụi chết. Năm 2023 thì hụi mãn hết nhưng ông Đ, bà Thu H không đóng mà xin cộng lại thành tiền nợ để trả lãi theo lãi suất ngân hàng. Tổng số nợ là 1.570.000.000 đồng.

Sau khi tổng số tiền nợ lại thì ông Đ, bà Thu H vẫn không trả lãi theo thỏa thuận hai bên. Đến ngày 04/7/2024 thì ông Nguyễn Hoàng Đ, bà Bùi Thị Thu H có đến thỏa thuận xin bà cho trả dần mỗi tháng là 30.000.000 đồng và bà H, ông Đ cùng con của bà H và ông Đ là anh Nguyễn Thịnh C có ký tên vào giấy cam kết trả nợ hàng tháng cho bà nhưng từ ngày thỏa thuận đến nay ông bà chỉ trả tổng số tiền là 105.000.000 đồng, còn nợ lại 1.465.000.000 đồng.

Bà có đến nhà nhiều lần nhưng ông Nguyễn Hoàng Đ, bà Bùi Thị Thu H chỉ hứa và lẫn trốn không chịu trả theo thỏa thuận hai bên.

Nay bà yêu cầu bà Bùi Thị Thu H, ông Nguyễn Hoàng Đ và anh Nguyễn Thịnh C trả cho bà số tiền 1.465.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Bùi Thị Thu H, ông Nguyễn Hoàng Đ và anh Nguyễn Thịnh C mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H, ông Đ và anh C vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí C1 trình bày:

Anh là con ruột bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Theo giấy cam kết trả nợ hàng tháng ngày 04/7/2024 âm lịch ông Nguyễn Hoàng Đ và bà Bùi Thị Thu H có ký tên xác nhận nợ cho mẹ anh là bà D số tiền 1.570.000.000 đồng (một tỉ năm trăm bảy mươi triệu đồng), ông Đ và bà H cam kết trả tháng 01/2025 âm lịch số tiền 50.000.000 đồng đến tháng 02/2025 âm lịch trả mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi bán được đất sẽ trả đủ một lần đủ theo số tiền đã nợ.

Anh có ký tên người thụ hưởng do cho mẹ anh an tâm chứ đây là giao dịch giữa mẹ anh và ông Đ, bà H.

Nay anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà D, anh không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ kiện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Thu H, ông Nguyễn Hoàng Đ và anh Nguyễn Thịnh C trả tiền hụi nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét bị đơn bà Bùi Thị Thu H, ông Nguyễn Hoàng Đ và anh Nguyễn Thịnh C đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí C1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà D yêu cầu bà Bùi Thị Thu H, ông Nguyễn Hoàng Đ và anh Nguyễn Thịnh C trả số tiền hụi 1.465.000.000 đồng do bà H, ông Đ và anh C không đóng tiền hụi chết cho bà D theo giấy cam kết trả nợ hàng tháng ngày 04/7/2024 âm lịch có chữ ký của bà H, ông Đ và anh C, thỏa thuận tháng 01/2025 âm lịch trả số tiền 50.000.000 đồng, đến tháng 2/2025 âm lịch mỗi tháng trả 30.000.000 đồng cho đến khi bán được đất sẽ trả một lần nhưng đến nay bà H, ông Đ và anh C chỉ trả được cho bà D số tiền 105.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.465.000.000 đồng rồi ngưng không trả cho bà D khoản tiền nào nữa nên bà D khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà D đã cung cấp cho Tòa án giấy cam kết trả nợ hàng tháng ngày 04/7/2024 âm lịch có chữ ký tên của bà H, ông Đ và anh C. Phía bà H, ông Đ và anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H, ông Đ và anh C vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy bà H, ông Đ và anh C đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà H, ông Đ và anh C còn nợ bà D số tiền 1.465.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà D, buộc bà H, ông Đ và anh C có nghĩa vụ trả bà D số tiền 1.465.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu bà H, ông Đ và anh C trả tiền lãi.

[3.3] Về thời gian trả tiền: Bà D yêu cầu bà H, ông Đ và anh C trả cho bà D số tiền 1.465.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì bà H, ông Đ và anh C đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết và nợ tiền của bà D làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà H, ông Đ và anh C trả cho bà D số tiền 1.465.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được Tòa án chấp nhận nên bà H, ông Đ và anh C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ D.

Buộc bà Bùi Thị Thu H, ông Nguyễn Hoàng Đ và anh Nguyễn Thịnh C có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Mỹ D số tiền 1.465.000.000 đồng (Một tỉ bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị Mỹ D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Bùi Thị Thu H, ông Nguyễn Hoàng Đ và anh Nguyễn Thịnh C không trả số tiền trên thì Hng tháng bà H, ông Đ và anh C phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Thu H, ông Nguyễn Hoàng Đ và anh Nguyễn Thịnh C phải chịu 55.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.975.000 đồng theo biên lai thu số 0001275 ngày 17/11/2025 của Thi Hnh án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Báo đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân